TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2023/DS -PT
Ngày: 11/9/2023
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Phạm Ngọc Thái**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu trung tậm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 120/2023/TLPT- DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3047/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Bá V, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đinh Xuân L, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình;

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình: Ông Phạm Văn Đ - Phó chủ tịch; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người kháng cáo: ông Đinh Xuân L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, ông Nguyễn Bá V *và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp ông* Diệp Kiến T1 *đều thống nhất trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, địa chỉ: K, xã T, huyện L là do ông Nguyễn Văn K (bố kết nghĩa) khai hoang, trồng cây từ năm 1986. Năm 2003, ông K cho lại con ruột là ông Hồ Văn T2 hơn 2/3 thửa đất (sau đó anh T2 bán một phần cho anh Nguyễn Văn B). Năm 2005, ông Nguyễn Văn K cho ông một phần đất còn lại của thửa đất. Và từ đó, các gia đình gồm gia đình ông, gia đình ông Đặng Văn B1 và gia đình anh Hồ Văn T2 đều trồng cây keo lấy gỗ cho đến nay.

Thửa đất ông K cho ông có vị trí: Phía Nam giáp với thửa đất anh T2 (con ông K); Phía Bắc giáp mảnh đất của anh T2 đã bán lại cho anh B1. Phía Đông giáp rừng thông Lâm Trường B. Phía Tây giáp đường M. Khi ông K cho đất, trên đất đã có cây tràm ông kế trồng nên ông có trả tiền thù lao và giống cây trị giá: 1.000.000 đồng cho ông K. Do đất khai hoang phục hóa đất trống đồi trọc nên việc cho, trả tiền cây không có giấy tờ gì. Sau khi nhận đất, vợ chồng ông đã xây nhà ở gần kề thửa đất để tiếp tục trồng keo cải tạo đất và thuê máy móc về san lấp mặt bằng. Năm 2015, 2016 gia đình ông thu hoạch cây keo và xảy ra tranh chấp với ông Đinh Xuân L, sự việc này có mời công an huyện L, đại diện UBND xã T lên giải quyết nhưng vợ chồng ông Đinh Xuân Lưu k có mặt, nên không không lập biên bản gì. Trước đó, vợ chồng ông L thuê người khống chế gia đình ông và lên trồng tràm trong mảnh đất của ông. Sau khi có công an lên xác minh làm việc thì ông L nhất trí giao đất lại cho ông và ông đã giao cho ông L 4.000.000 đồng tiền giống cây trồng chứ không phải ông trả tiền thuê đất của ông L. Tháng 11/2021, sau khi thu hoạch cây, gia đình ông san lấp mặt bằng để tiếp tục trồng thì phía gia đình ông Đinh Xuân L đến tranh chấp và tuyên bố thửa đất đã được cấp GCNQSD đất cho ông L.

Ông V cho rằng vào năm 2010, UBND huyện L cấp GCN QSDĐ thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, địa chỉ: K, xã T, huyện L cho ông Đinh Xuân L nhưng chính quyền địa phương xã T không biết, không làm thủ tục, các hộ liền kề không ký xác nhận ranh giới thửa đất, trên đất còn có tài sản cây trồng là của ông. Ông Đinh Xuân Lưu k có bất cứ một tài sản gì trên diện tích đất được cấp. Thửa đất đã được UBND huyện L cấp nhưng sổ mục kê đất đai ở xã T và Sở T5 vẫn ghi người sử dụng là UBND xã T quản lý. Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ này không đúng với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, không tuân thủ đúng trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ được quy định tại Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 48,135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật

Đất đai là các quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, ông Nguyễn Bá V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042078 thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, diện tích 18.861 m^2 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15/11/2010, số vào sổ cấp GCN: CT/00935/QSDD mang tên ông Đinh Xuân L tại K, xã T, huyện L;

- Công nhận diện tích đất 3.961m^2 nằm trong thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, diện tích 18.861 m^2 tại K, xã T, huyện L thuộc quyền sử dụng của gia đình ông V. Tại phiên tòa, ông V giữ nguyên yêu cầu hủy GCNQSDĐ cho ông L, nhưng chỉ yêu cầu Tòa án công nhận việc ông là người đang sử dụng đất trên thực tế từ năm 2005 cho đến nay và tạm giao phần diện tích đất mà hiện nay ông đang trồng cây để tiếp tục quản lý, sử dụng,

- *Trong quá trình giải quyết vụ án ông* Đinh Xuân L *và người đại diện theo ủy quyền bà* Nguyễn Thị T*, đều thống nhất trình bày:* Diện tích 18.861m^2 đang tranh chấp nói trên nguyên là vùng đất rừng nghèo kiệt, hoang sơ có nhiều bom đạn sót lại sau chiến tranh; vị trí nằm giữa ranh giới xã V (V, Quảng Trị) và xã K (huyện L, Quảng Bình) và giáp với đường H (nhánh Đ1). Ông L, bà T sống với nhau nhưng không kết hôn. Năm 2000, ông L, bà T được tiếp nhận vào hộ thành viên của Làng Thanh niên lập nghiệp A, thuộc Tỉnh đoàn Q1. Vì thiếu đất sản xuất nên ông L đã làm đơn xin giao khu đất rừng này để sản xuất nhưng vì liên quan đến giới tuyến 2 địa phương nên ngày 20/6/2011 UBND xã K đồng ý giao 11.700m^2 và xã V giao 3.000m^2. Sau khi được chính quyền giao đất rừng, ông L, bà T đã tiến hành khai hoang (san ủi, phát dọn thực bì...) và trồng cây keo lai tai tượng, sử dụng đúng mục đích hiệu quả. Khi được phân định địa giới hành chính thì thửa số 1167, Tờ bản đố số 38, diện tích 18.861m^2 thuộc UBND xã T quản lý. Về Quá trình sử dụng thửa đất: Trong điều kiện khó khăn chung tại thời điểm mới lên lập nghiệp nên có sự gián đoạn vì hai ông bà luôn ốm đau điều trị xa nhà, mặt khác được Làng TNLN giao thêm đất rừng nên việc phát thực bì chỉ ở mức độ khoanh vùng rồi phát dọn thực bì trồng dần. Trong thời điểm này (10/2004) có hộ ông Nguyễn Bá V (Khe Cát, xã V) cùng đến phát cây bìa lô rừng thông Lâm trường giáp với đất ông L và làm nhà ở đến nay. Ông V có nhã ý mua lại một phần diện tích đất của gia đình ông L nhưng ông L chỉ đồng ý cho mượn đất tạm thời để sản xuất ít vụ giải quyết khó khăn gia đình. Năm 2008, ông Hồ Văn T2 (K xã V) làm nhà ở gần giáp thửa đất của ông L đang sử dụng. Biết ông L, bà T luôn đau yếu điều trị bệnh xa nhà không có người trông coi nên đã có xâm canh đến phần đất rừng của ông L đang làm dỡ rồi bán cho ông Đặng Văn B1 nhưng ông Lưu k hay biết. Sau khi được cấp Giấy CNQSDĐ mới biết sự việc, vợ chồng ông đã nhiều lần gặp ông V, ông B1, ông T2 đòi lại đất nhưng không được dẫn đến tranh chấp hiện nay. Ông Đinh Xuân L cho rằng việc cấp Giấy CNQSDĐ Thửa đất nói trên xuất phát từ việc cho phép của chính quyền 2 địa phương và gia đình ông L đã sử dụng đúng mục đích, ổn định thời điểm này chưa có tranh chấp nên ông L đủ điều kiện được cấp có thẩm quyền Giấy CNQSDĐ thửa số 1167, Tờ BĐ số 38, diện tích 18.861m^2 đúng quy định pháp luật. Theo đó, quy trình thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ đúng trình tự thủ tục, công khai minh bạch tại địa phương, nơi cư

trú ai cũng được biết và không có khiếu nại, tố cáo nào. Ông L đề nghị xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Bá V trả lại cho ông Lưu p đất đã lấn chiếm.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông* Nguyễn Văn K *trình bày:* Thời điểm ông khai hoang vùng đất đang tranh chấp trên là rừng đồi núi trọc, dân cư đang còn ít. Sau khi có chủ trương kêu gọi bà con xã V ra định canh, định cư nên gia đình ông có một lô đất sát đường H thuộc khu vực xã T và xã V quản lý. Ông đã sử dụng trồng cây tràm trên thửa đất và thu hoạch 2-3 vụ mà không có ai tranh chấp. Đến năm 2004, ông cho con trai là anh T2 một đám đất thuộc xã V. Năm 2005, ông cho ông V canh tác, sử dụng mảnh đất ngay trước mặt nhà anh V ở. Các gia đình tiếp tục trồng tràm, sử dụng cho đến năm 2015 không có một ai đến tranh chấp. Đến năm 2021, khi xảy ra tranh chấp mới biết toàn bộ mảnh đất mà ông khai hoang lại được cấp có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất cho ông Đinh Xuân L. Ông thấy việc cấp giấy CNQSD đất cho ông Đinh Xuân L là trái pháp luật, vì đất do ông khai hoang, sử dụng, có tài sản là cây trồng của anh B1, T2, V trên đất nhưng các hộ gia đình trực tiếp sử dụng đất không biết về việc cấp giấy CNQSD đất này.

- UBND xã T *trình bày:* UBND xã T không nắm được quá trình cấp GCNQSDĐ số: BB 042078 thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, diện tích 18.861 m^2 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15/11/2010 cho ông Đinh Xuân L tại khu vực khe T, xã T, huyện L, lý do hiện tại UBND xã không lưu trữ hồ sơ này. Về nguồn gốc thửa đất: Theo bản đồ địa chính năm 2007 thì thửa đất 1167 tờ bản đồ 38 được quy chủ là UBND xã quản lý. Đến năm 2010, UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Đinh Xuân L. Về quá trình sử dụng đất: UBND xã không nắm được ai sử dụng cho đến khi xảy ra tranh chấp. Đầu năm 2022, phát sinh tranh chấp, UBND xã kiểm tra thì thấy hiện trạng đất tranh chấp có cây keo trồng của ông V, ông B1, ông T2. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu UBND Lệ Thủy nêu ý kiến đối với vụ án và cung cấp hồ sơ giấy CNQSD đất cấp cho ông Đinh Xuân L đối với thửa đất đang tranh chấp. Đến ngày 16/3/2023 UBND huyện L có Công văn số 530/UBND-TNMT nêu ý kiến: Qua khai thác hồ sơ lưu trữ tại kho lưu trữ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì hiện nay không tìm thấy hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ GCN: CT/00935/QSDD do UBND huyện L cấp ngày 15/11/2010 cho ông Đinh Xuân L đối với thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38 xã T, huyện L. Vì vậy UBND huyện L không có ý kiến đối với việc cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất tranh chấp trên, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

- Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh T5 *nêu ý kiến vụ án tại Công văn số: 609/STNMT - VPĐKĐĐ ngày 17/3/202 như sau:* Ngày 15/11/2020, UBND huyện L đã ký cấp giấy CNQSD đất số BB 042078 đối với thửa đất 1162 tờ bản đồ số 38 diện tích 18861m^2 đất rừng trồng sản xuất tại khe T, xã T, huyện L. Ngày 14/01/2014, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L đã xác nhận nội dung đính chính thông tin về số thửa từ thửa số 1162 thành thửa đất số 1167 tại Giấy CNQSD đất này. Theo nội dung công văn số 76/CV-VPĐK ngày 16/3/2023 của

chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì không tìm thấy hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của ông Đinh Xuân L mà chỉ tìm thấy hồ sơ đề nghị đính chính Giấy CNQSD đất của ông L như trên. Căn cứ trang số 46 sổ mục kê đất đai đã được Sở Tài nguyên - Môi trường phê duyệt ngày 20/7/2015 thì thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, diện tích 18861m^2 đất rừng sản xuất (RSX) do UBND xã T quản lý.

- Tòa án đã tổ chức hòa giải cho các bên đương sự tự thống nhất giải quyết các vấn đề nội dung vụ án nhưng không thành. Tòa án đã tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ, trên phần đất ông Nguyễn Bá V chỉ dẫn tranh chấp nằm trong thửa đất 1167, tờ bản đồ số 38, hiện trạng trên thửa đất là đất trống không có tài sản xây dựng và cây trồng trên đất. Ông Nguyễn Bá V khai đã thu hoạch cây keo từ năm 2021, khi tiếp tục trồng lại thì xảy ra tranh chấp cho đến nay. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ 17/02/2023 thì thửa đất ông Nguyễn Bá V đang trồng cây có diện tích 3.599, 7m^2 nằm trong thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, tại K, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình có kích thước như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa đất ông Đặng Văn B1 đang sử dụng dài 54,51m

+ Phía Đông giáp đường mòn dài 69,38m

+ Phía Nam giáp phần đất ông Hồ Văn T2 đang sử dụng dài 52,62m

+ Phía Đông giáp đường mòn Hồ Chí Minh dài 51,97

- Tại phiên tòa:

+ Ông Nguyễn Bá V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Xuân L là bà Nguyễn Thị T giữ nguyên ý kiến của mình đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V bởi lẽ thửa đất 1167 của ông L đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận từ năm 2010, trong khi ông V không có bất cứ một giấy tờ gì lại đi tranh chấp đất là hoàn toàn không có cơ sở.

+ Người làm chứng ông Hô Văn T3 và ông Hồ Văn L1 đều trình bày: Khoảng vào năm 2000, xã Đ phát động phong trào phát thực bì, khai hoang thì các ông đều tham gia và thực hiện phát quan hai bên đường M khoảng 50m. Đối với việc tranh chấp giữa các bên đương sự thì các ông không được biết. Còn ông Hồ Xuân Q xác nhận ông V chuyển từ Nghệ An để ở vào vùng đất này vào khoảng năm 2003-2004, đến năm 2005 thì nhập hộ khẩu, còn việc tranh chấp đất các bên ông không được rõ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 266, Điều 273; khoản 1 Điều 147; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24 Luật đất đai năm 1993; Điều 50 Luật đất đai 2003; Điều 101 Luật đất đai 2013; Khoản 3 Điều 24 Luật lâm nghiệp năm 2004; Điều 16 Luật Lâm nghiệp 2017 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá V về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 042078 đối với thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, diện tích 18.861 m^2 tại K, xã T, huyện L do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15/11/2010, số vào sổ cấp GCN: CT/00935/QSDD mang tên ông Đinh Xuân L.

- Tạm giao quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá V đối với diện tích 3.599, 7m^2 nằm trong thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, tại K, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình có kích thước như sau: (Có sơ đồ kèm theo)

+ Phía Bắc giáp thửa đất ông Đặng Văn B1 đang sử dụng dài 54,51m

+ Phía Đông giáp đường mòn dài 69,38m

+ Phía Nam giáp phần đất ông Hồ Văn T2 đang sử dụng dài 52,62m

+ Phía Đông giáp đường mòn Hồ Chí M dài 51,97

Ông Nguyễn Bá V có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 19/5/2023, bị đơn ông Đinh Xuân L có đơn kháng cáo sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình lý do: Tòa án sơ thẩm giải quyết không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích chính đáng của gia đình ông;

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên đơn đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo nhưng không có tài liệu gì mới nên đề nghị HĐXX bác đơn kháng cáo giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng họ đã có ý kiến trình bày tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận QSD đất"* và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 26, 34 Bộ luật Tố

tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 1167 tờ bản đồ số 38 diện tích 18.861m^2 đất rừng trồng sản xuất tại khe T, xã T, huyện L (viết tắt là thửa đất 1167): tại Bản đồ địa chính năm 2007, sổ Mục kê đất đai năm 2009 và năm 2015 thể hiện thửa đất 1167 được quy chủ là UBND xã T quản lý với diện tích 18.861m^2. Quá trình tố tụng, ông Đinh Xuân L cung cấp bản photo Đơn xin cấp đất do UBND xã K và UBND xã V cùng ký xác nhận cấp năm 2001. Tại đơn xin cấp này thể hiện diện tích đất được U xác nhận là 3000m^2; diện tích đất do UBND xã K xác nhận là 11.700 m^2, sơ đồ đo vẽ thửa đất không rõ vị trí. Năm 2010, thửa đất được UBND huyện L cấp giấy CNQSD đất cho ông Đinh Xuân L số vào sổ cấp GCN CT/00935/QSDĐ với diện tích: 18.861m^2 là lớn hơn so với diện tích UBND xã K và UBND xã V xác nhận cấp năm 2001. Tuy nhiên, hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 1167 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15/11/2010 cho ông Đinh Xuân Lưu k có lưu trữ tại UBND xã T, Chi nhánh VPĐKQSDĐ huyện L và Sở T5, tỉnh Quảng Bình.

[2.2] Hiện trạng sử dụng thửa đất: thửa đất số 1167 là đất rừng trồng sản xuất được quy chủ cho UBND xã quản lý nhưng quá trình sử dụng đất UBND xã lại không nắm rõ ai sử dụng. Đầu năm 2022, khi các hộ xảy ra sinh tranh chấp, UBND xã mới tiến hành kiểm tra thì thấy hiện trạng đất tranh chấp có cây keo trồng của ông Nguyễn Bá V, ông Đặng Văn B1, ông Nguyễn Văn T4. Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, ông Nguyễn Văn K khai là người khai hoang sử dụng thửa đất 1167 tờ bản đồ 38 từ trước, sau đó năm 2004 ông kế cho lại con trai là Nguyễn Văn T4 và một phần cho anh Nguyễn Bá V vào năm 2005, phù hợp với các lời khai của các nhân chứng. Ông Nguyễn Bá V khai năm 2015, ông khai thác cây xong thì xảy ra tranh chấp với ông L, ông L thuê người khống chế gia đình ông để trồng cây, khi được công an giải quyết ông có mua lại số cây trồng trên đất của ông L với giá 4.000.000 đồng. Như vậy, việc ông Nguyễn Bá V có sử dụng khai thác trồng cây trên thửa đất tranh chấp là có thật, phù hợp với việc ông Đinh Xuân L khai thừa nhận chưa khai thác cây trồng trên đất lần nào và số cây trồng trên đất là do gia đình ông Nguyễn Bá V khai thác.

[2.3] Xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSDĐ): Giấy CNQSDĐ số BB 042078, thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, diện tích 18.861 m2 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15/11/2010, số vào sổ cấp GCN: CT/00935/QSDD mang tên ông Đinh Xuân L tại K, xã T, huyện L như phân tích ở mục [3.1] các cơ quan có thẩm quyền trả lời là hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất này không có lưu trữ. Tại hồ sơ vụ án, ông Đinh Xuân L cung cấp bản photo - Đơn xin cấp đất ngày 15/5/2001 là không có giá trị pháp lý, hơn nữa đơn này do UBND xã V và xã K cùng xác nhận và giao đất là không đúng quy định pháp luật, không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 24 Luật đất đai năm 1993. Theo thông tin Bản đồ địa chính năm 2007, sổ mục kê năm 2009 thì thửa đất trên được quy chủ thuộc UBND xã T quản lý. Đến năm 2010, ông Đinh Xuân L được UBND huyện L cấp Giấy CNQSDĐ, nhưng

sổ Mục kê năm 2015 được Sở Tài nguyên Môi trường xét duyệt thì thửa đất vẫn quy chủ thuộc UBND xã T quản lý. Từ đó khẳng định UBND xã T không nắm rõ việc cấp Giấy CNQSDĐ này cho ông Đinh Xuân L, không có hồ sơ, sổ sách ghi chép lưu trữ thông tin là không thực hiện các thủ tục nộp hồ sơ đăng ký ban đầu tại UBND xã, không có việc thẩm tra, xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai… đối với thửa đất. Đồng thời, ông Đinh Xuân L đã thừa nhận, ông chưa khai thác cây trồng trên thửa đất này lần nào nghĩa là chưa trực tiếp lao động sản xuất đất lâm nghiệp mà được cấp giấy CNQSDĐ. Như vậy, việc cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 1167 cho ông Đinh Xuân Lưu k bảo đảm trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, không đúng theo quy định Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, khoản 3 Điều 24 Luật lâm nghiệp năm 2004. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá V hủy Giấy CNQSDĐ BB 042078 thửa đất số 1167 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15/11/2010, số vào sổ cấp GCN: CT/00935/QSDD mang tên ông Đinh Xuân L tại K, xã T, huyện L là có căn cứ.

[2.4] Xét yêu cầu tạm giao quyền sử dụng đất với diện tích 3.961m^2 nằm trong thửa đất số 1167: Như phân tích tại các mục trên [3.2], [3.3] và thực tế hiện trạng ông Đinh Xuân Lưu k sử dụng đất số 1167; ông Nguyễn Bá V có quá trình sử dụng thửa đất trên trong một thời gian dài, sử dụng đúng mục đích rừng sản xuất, có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất nên Tòa án sơ thẩm tạm giao quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng với diện tích đo đạc là: 3.599,7m^2 nằm trong thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 38, diện tích 18.861 m^2 tại K, xã T, huyện L cho ông Nguyễn Bá V là phù hợp.

[3] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy, nhận định và quyết định tại Bản án sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 là có căn cứ và phù hợp. Tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Xuân L kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ việc, do đó toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Đinh Xuân Lưu k được chấp nhận như đề nghị của bị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà nẵng.

[4] Về án phí dân sự:

- Án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Án phí dân sự phúc thẩm bị đơn ông Đinh Xuân L phải chịu theo quy định

.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác kháng cáo của bị đơn ông Đinh Xuân L. Giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Đinh Xuân L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai số 5440 ngày 02/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn